

Số: /KH-UBND

An Giang, ngày tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 250/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị quyết số 250/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 227/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về thúc đẩy tham gia tổ chức, diễn đàn, mạng lưới hợp tác; hội nhập quốc tế của địa phương; khoán chi nghiên cứu phục vụ hội nhập quốc tế và một số cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 250/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 258/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về cơ chế, chính sách phát huy nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế theo Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 601/QĐ-TTg ngày 01/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 250/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh An Giang với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa và triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung và nhiệm vụ theo Quyết định số 601/QĐ-TTg ngày 01/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; bảo đảm rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện, đưa các cơ chế, chính sách về hội nhập quốc tế đi vào thực chất trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Bảo đảm các cơ chế, nguồn lực để kịp thời áp dụng các chế độ hỗ trợ đặc thù, chính sách đãi ngộ tài chính đối với đội ngũ công chức, viên chức làm công tác đối ngoại chuyên trách; nâng cao công tác phát hiện, thu hút và sử dụng

có hiệu quả nguồn lực từ các nhà khoa học, chuyên gia xuất sắc về hội nhập quốc tế phục vụ các mục tiêu phát triển chiến lược của tỉnh.

c) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (nhất là các địa phương có nhiều hoạt động đối ngoại) trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 250/2025/QH15 và các văn bản có liên quan trên địa bàn tỉnh; thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị của tỉnh An Giang với các Bộ, ngành Trung ương trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Nâng cao năng lực chuyên môn, chuẩn hóa kỹ năng nghiệp vụ ngoại giao và hội nhập quốc tế cho đội ngũ nhân sự quản lý nhà nước tại địa phương; bảo đảm công tác đối ngoại thích ứng linh hoạt, toàn diện với quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của địa phương.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ tài chính, bồi dưỡng nhân lực và thu hút chuyên gia phải bảo đảm tuân thủ nghiêm nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan; áp dụng đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Nghị quyết số 250/2025/QH15, Nghị định số 227/2026/NĐ-CP, Nghị định số 258/2026/NĐ-CP.

b) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu phải xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên; chủ động, tích cực phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên trách đối ngoại trong quá trình thực hiện.

c) Quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết phải gắn liền với công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hằng năm, kịp thời ghi nhận những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đề xuất, kiến nghị đối với các cơ quan có thẩm quyền.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 250/2025/QH15 và các Nghị định quy định chi tiết

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các quy định của Nghị quyết số 250/2025/QH15, Nghị định số 227/2026/NĐ-CP, Nghị định số 258/2026/NĐ-CP đến toàn thể công chức, viên chức, người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh.

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu đăng tải, công khai các cơ chế, chính sách đặc thù lên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương.

Thực hiện công khai, minh bạch các quy định, tiêu chuẩn, danh sách đối tượng thụ hưởng nhằm bảo đảm triển khai đúng đối tượng, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm trong thụ hưởng chính sách.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp và hiệp hội ngành hàng tham gia hội nhập quốc tế

Phối hợp các cơ quan Trung ương để hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh ở nước ngoài theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 250/2025/QH15 và Điều 21 Nghị định số 227/2026/NĐ-CP.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kế hoạch triển khai nội dung Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (FTA) giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Cung cấp thông tin thị trường, các quy định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), phòng vệ thương mại (SPS) cho các doanh nghiệp có hoạt động xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Thí điểm thành lập văn phòng đại diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở nước ngoài

Căn cứ vào nhu cầu thực tế về hội nhập quốc tế của tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất phương án thí điểm thành lập văn phòng đại diện của Ủy ban nhân dân tỉnh (khi thực sự cần thiết) theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 250/2025/QH15. Nội dung đề xuất cần làm rõ: mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động, điều kiện tài chính và địa bàn ưu tiên, quy trình thành lập được quy định tại Điều 12 và điểm b, khoản 5, Điều 24 Nghị định số 227/2026/NĐ-CP.

4. Tham gia các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới của các thành phố, đô thị lớn của chính quyền địa phương

Căn cứ vào nhu cầu thực tế về hội nhập quốc tế của tỉnh và của các Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia vào các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới của các thành phố, đô thị lớn của chính quyền địa phương (quốc tế) không qua việc ký kết Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, Sở Du lịch chủ trì nghiên cứu, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc tham gia theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị quyết số 250/2025/QH15; Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 227/2026/NĐ-CP.

5. Cơ chế, chính sách đặc thù thu hút, sử dụng nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế trong công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế thuộc các lĩnh vực ưu tiên, trọng tâm, chiến lược quốc gia

Căn cứ nhu cầu thực tiễn, các cơ quan có nhu cầu sử dụng nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế trong công tác đối ngoại đề xuất danh sách gửi về Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng chức danh chuyên gia để thẩm định, kiến nghị công nhận theo các điều kiện và được hưởng chế độ được quy định cụ thể tại Điều 9 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP.

Cơ quan chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế nội bộ về việc công nhận nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Ngoại giao, tổ chức đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và kết quả đóng góp của nhà khoa học, chuyên gia. Việc đánh giá được tiến hành cùng

thời điểm đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức hằng năm theo quy định của pháp luật. Kết quả đánh giá là căn cứ để quyết định việc tiếp tục hoặc cho thôi hưởng chế độ hỗ trợ.

Sở Nội vụ chủ trì rà soát, điều chỉnh, cập nhật danh sách nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Ngoại giao.

6. Thực hiện chế độ, chính sách đối với người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên và không thường xuyên tại địa phương

Sở Du lịch chủ trì rà soát, lập danh sách người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên được hưởng hỗ trợ hằng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 3, điểm c khoản 1 Điều 22, Phần IV Phụ lục 1 Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội và điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP của Chính phủ, gửi Sở Nội vụ thẩm định, để làm cơ sở triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu cấp có thẩm quyền tổ chức chi trả chế độ, chính sách cho các đối tượng được hưởng theo đúng quy định tại Điều 10 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP.

Đối với người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế không thường xuyên áp dụng theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 13 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP và Điều 23 Nghị quyết số 250/2025/QH15.

7. Công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang sử dụng thành thạo ngoại ngữ hiếm được hỗ trợ hằng tháng bằng 300% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp)

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch tham mưu ban hành quy chế nội bộ về người sử dụng thành thạo ngoại ngữ hiếm (sau khi thống nhất với Bộ Ngoại giao; tiến hành rà soát lập danh sách giới thiệu người sử dụng thành thạo ngoại ngữ hiếm (nếu có) gửi Bộ Ngoại giao xem xét phê duyệt.

Căn cứ quyết định phê duyệt danh sách của Bộ Ngoại giao, Sở Nội vụ chủ trì tham mưu xác định đối tượng, thời điểm hưởng hỗ trợ, thực hiện rà soát, điều chỉnh hoặc chấm dứt việc hưởng chế độ chính sách theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị quyết số 250/2025/QH15.

Sở Nội vụ chủ trì rà soát, điều chỉnh, cập nhật danh sách người sử dụng thành thạo ngoại ngữ hiếm định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Ngoại giao.

Trách nhiệm của cơ quan quản lý, của người sử dụng thành thạo ngoại ngữ hiếm thực hiện theo điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 11 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP.

8. Chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

Hằng năm, Sở Nội vụ căn cứ Chương trình đào tạo, bồi dưỡng về đối ngoại, hội nhập quốc tế do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao phê duyệt và nhu cầu công tác của

tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch và ban hành quy định nội bộ về tham gia các chương trình, đào tạo, bồi dưỡng về đối ngoại, hội nhập quốc tế cho người trực tiếp, thường xuyên làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, đảm bảo hằng năm ít nhất 40% tổng số người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên thuộc tỉnh quản lý được tham gia bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về hội nhập quốc tế; ban hành kế hoạch cử người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế không thường xuyên tham gia hoạt động đào tạo, tập huấn, thực tập, trao đổi học thuật, tham gia hội nghị, hội thảo phù hợp với các lĩnh vực ưu tiên của địa phương theo yêu cầu công tác và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, quyết định mức hỗ trợ và bố trí kinh phí trên cơ sở hình thức và tính chất của từng hoạt động.

Sở Nội vụ chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập danh sách người đủ năng lực ứng cử vào tổ chức quốc tế (nếu có), gửi Bộ Ngoại giao để tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản về đối ngoại, hội nhập quốc tế. Người được lựa chọn có trách nhiệm tham gia đầy đủ chương trình bồi dưỡng do Bộ Ngoại giao tổ chức.

Linh hoạt tổ chức theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến, bảo đảm cơ sở vật chất, tiết kiệm kinh phí.

Trong thời gian tham gia bồi dưỡng về đối ngoại, hội nhập quốc tế, người được cử đi bồi dưỡng được giữ nguyên lương và các chế độ, chính sách hiện hưởng. Trường hợp địa điểm tổ chức bồi dưỡng không ở cùng địa phương nơi công tác hoặc ở nước ngoài thì được hưởng chế độ công tác phí trong nước hoặc nước ngoài theo quy định hiện hành, trừ trường hợp đã được hỗ trợ hoặc được tài trợ ở mức cao hơn từ nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP. Người tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng được miễn tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc (*theo điểm d khoản 2 Điều 6 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP*).

9. Bảo đảm ngân sách cho hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế của địa phương

Hằng năm, các cơ quan, đơn vị lập dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để bảo đảm chi trả đầy đủ, kịp thời các chế độ và kinh phí hoạt động theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Điều 16 Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan, cụ thể như sau:

Hỗ trợ hằng tháng bằng 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp) đối với người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị quyết số 250/2025/QH15 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP.

Hỗ trợ hằng tháng bằng 300% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng đối với nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Nghị quyết số 250/2025/QH15 và điểm a khoản 5 Điều 9 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP.

Hỗ trợ hằng tháng bằng 300% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp) đối với công chức, viên chức, sĩ quan sử dụng thành thạo ngoại ngữ hiếm theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị quyết số 250/2025/QH15 và Điều 11 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP.

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế theo quy định tại khoản 3 Điều 22, Điều 23 Nghị quyết số 250/2025/QH15 và Điều 6 Nghị định số 258/2026/NĐ-CP.

Kinh phí tham gia các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới của các thành phố, đô thị lớn theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 250/2025/QH15.

Thực hiện khoán chi nghiên cứu phục vụ hội nhập quốc tế: áp dụng phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng đối với các nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng đề án, chiến lược, định hướng hội nhập quốc tế trọng tâm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo các trình tự, thủ tục, định mức cụ thể tại Điều 16, Điều 17 Nghị định số 227/2026/NĐ-CP và các quy định có liên quan.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các nhiệm vụ triển khai trong năm 2026, các cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động cân đối kinh phí thực hiện trong nguồn ngân sách nhà nước được giao năm 2026 để triển khai thực hiện. Đối với các năm tiếp theo, hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao, số đối tượng thực tế và chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước quy định, có trách nhiệm lập kế hoạch, dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng và báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Du lịch

Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch; làm đầu mối tiếp nhận báo cáo, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Ngoại giao, Chính phủ theo quy định.

Rà soát vị trí việc làm, lập danh sách công chức, viên chức làm công tác đối ngoại trực tiếp, thường xuyên (hưởng hỗ trợ 100% lương) và người sử dụng thành thạo ngoại ngữ hiếm (hưởng hỗ trợ 300% lương) thuộc phạm vi quản lý của Sở Du lịch theo đúng Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 250/2025/QH15, gửi Sở Nội vụ thẩm định.

Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Quy chế nội bộ của tỉnh về việc công nhận nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế; xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực khoa học, giá trị thực tiễn của các công trình nghiên cứu, bài báo quốc tế, bằng phát minh sáng chế đối với ứng viên chuyên gia, nhà khoa học.

Xác định các lĩnh vực đối ngoại ưu tiên, trọng tâm của tỉnh để áp dụng chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học.

2. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch, Sở Tài chính đề xuất phương án thí điểm thành lập văn phòng đại diện của Ủy ban nhân dân tỉnh ở nước ngoài; xây dựng đề án về mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của văn phòng theo quy định tại Nghị quyết số 250/2025/QH15 và Nghị định số 227/2026/NĐ-CP.

Chủ trì, rà soát nhu cầu, xây dựng Kế hoạch và ban hành quy định nội bộ về cử công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại; bảo đảm chỉ tiêu bồi dưỡng hằng năm đạt ít nhất 40% tổng số người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên thuộc tỉnh quản lý được tham gia bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về hội nhập quốc tế.

Chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ của tỉnh về việc công nhận nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế sau khi thống nhất ý kiến bằng văn bản với Bộ Ngoại giao; chủ trì thành lập và vận hành Hội đồng chức danh chuyên gia cấp tỉnh.

Thẩm định bằng văn bản danh sách đối tượng hưởng hỗ trợ do Sở Du lịch tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch, Sở Tài chính tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện chính sách, chế độ hỗ trợ tại các cơ quan, đơn vị và địa phương; xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm, trục lợi chính sách.

Chủ trì công tác biểu dương, tôn vinh và khen thưởng đột xuất hoặc hằng năm đối với các tổ chức, cá nhân có đóng góp xuất sắc hoặc sáng kiến đột phá trong hội nhập quốc tế.

3. Sở Tài chính

Theo khả năng cân đối ngân sách, phối hợp Sở Du lịch, các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan, tham mưu cấp thẩm quyền về nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch trên cơ sở lồng ghép với kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên được giao của các cơ quan, đơn vị có liên quan, kinh phí thực hiện Chương trình, Dự án và các nguồn huy động hợp pháp khác theo phân cấp của Luật Ngân sách Nhà nước; bố trí kinh phí theo quy định pháp luật về đầu tư công đối với các nhiệm vụ bố trí kinh phí từ nguồn đầu tư.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Quy chế nội bộ của tỉnh về việc công nhận nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế; xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực khoa học, giá trị thực tiễn của các công trình nghiên cứu, bài báo quốc tế, bằng phát minh sáng chế đối với ứng viên chuyên gia, nhà khoa học.

Phối hợp cung cấp thông tin, hồ sơ, dữ liệu chuyên môn về khoa học, công nghệ thuộc phạm vi quản lý để phục vụ việc xem xét hồ sơ ứng viên chuyên gia, nhà khoa học.

5. Sở Công Thương

Chủ trì cung cấp thông tin thị trường, rào cản kỹ thuật, ưu đãi FTA; hỗ trợ xác minh năng lực, tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài cho doanh nghiệp.

Chủ trì hỗ trợ doanh nghiệp và các hiệp hội ngành hàng ứng phó các vụ kiện phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp) và các cáo buộc kinh tế phi thị trường từ nước ngoài.

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ thành lập thí điểm các tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp tỉnh ở nước ngoài.

6. Sở Tư pháp

Phối hợp tham gia ý kiến đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thẩm định theo thẩm quyền các dự thảo văn bản nêu trên có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết số 250/2025/QH15.

7. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

Chủ trì tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá sản phẩm chủ lực và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Phối hợp với Sở Công Thương trong việc cung cấp thông tin thị trường, kết nối đối tác nước ngoài và hỗ trợ thành lập các Tổ chức đại diện doanh nghiệp ở nước ngoài.

8. Các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết 250/2025/QH15 và các Nghị định quy định chi tiết tại cơ quan, đơn vị; đăng tải công khai các cơ chế, chính sách đặc thù lên Trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương.

Thường xuyên rà soát, lựa chọn và lập danh sách cử đi đào tạo, bồi dưỡng gửi về Sở Nội vụ tổng hợp.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA

1. Chế độ kiểm tra

Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện chính sách, chế độ hỗ trợ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng và xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm, trục lợi chính sách.

2. Chế độ báo cáo

Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất (*đính kèm Bảng danh mục và tiến độ báo cáo*).

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu nghiêm túc quán triệt và phối hợp triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các đơn vị chủ động báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Du lịch) để kịp thời tổng hợp, xem xét và giải quyết theo đúng thẩm quyền.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 250/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- Bộ Ngoại giao (để b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- CVP, PCVP UBND tỉnh Phan Hoàng Vũ;
- Phòng Nội chính;
- Lưu: VT, hqtruc, “HT”.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Phước